

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

### 1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : Rhenogran S-80

Mã sản phẩm : 57471663

#### Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : LANXESS Deutschland GmbH  
Production, Technology,  
Safety & Environment  
51369 Leverkusen, Germany

Điện thoại : +4922188852288

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm cho SDS : infosds@lanxess.com

Điện thoại khẩn cấp : +492143099300

#### Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : tác nhân chéo

### 2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Chất Gây/Hỗn hợp : Hỗn hợp

#### Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
sulfur	7704-34-9	$\geq 70$ - $\leq 100$
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	64742-54-7	$\geq 1.5$ - $< 3$

### 3. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

#### Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính (Hít phải) : Nhóm 5

Ăn mòn/kích ứng da : Nhóm 2

#### Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Lời cảnh báo : Cảnh báo

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Cảnh báo nguy hiểm : H315 Gây kích ứng da.  
H333 Có thể có hại nếu hít phải.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp phòng ngừa:**  
P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.  
P280 Đeo găng tay bảo hộ.  
**Biện pháp ứng phó:**  
P302 + P352 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA: Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.  
P304 + P312 NẾU HÍT PHẢI: Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.  
P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.  
P362 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm hoá chất và giặt sạch trước khi tái sử dụng.

### Các nguy cơ khác không có trong GHS

Được biết là chưa xảy ra.

## 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Di chuyển ra khỏi khu vực nguy hiểm.  
Đưa phiếu dữ liệu an toàn hoá chất này cho bác sỹ chăm sóc.  
Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Hỏi ý kiến bác sỹ sau khi tiếp xúc nhiều.  
Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Liên hệ với bác sỹ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.  
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.  
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.  
Gỡ bỏ kính áp tròng.  
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.  
Mở rộng mắt khi rửa.  
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.  
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.  
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.  
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sỹ.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không đòi hỏi biện pháp đặc biệt gì.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

### 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp : Dùng bụi nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
- Các sản phẩm cháy nguy hại : Ôxit lưu huỳnh  
Carbon dioxit (CO<sub>2</sub>)  
Cacbon monoxit
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất  
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

### 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.  
Tránh tạo ra bụi.  
Tránh hít bụi.  
Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn.  
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

### 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Tránh tạo ra bụi.  
Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Tránh tạo ra các bụi hô hấp.  
Không được hít hơi/bụi.  
Tránh tiếp xúc với da và mắt.  
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.  
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.  
Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.  
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
- Các điều kiện lưu giữ an toàn : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.  
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

kho lưu trữ

### 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic	64742-54-7	TWA (Hơi sương)	5 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
		STEL (Hơi sương)	10 mg/m <sup>3</sup>	VN OEL
		TWA (Bụi hạt hít phải qua phổi)	5 mg/m <sup>3</sup>	ACGIH

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Trong trường hợp có bụi được tạo ra, sử dụng mặt nạ phòng độc có bộ lọc đủ tiêu chuẩn.  
Cần đeo mặt nạ chống bụi khi nồng độ bụi vượt quá 10mg/m<sup>3</sup>.

Bảo vệ tay  
Vật liệu : Cao su nitrin - NBR  
Thời gian đeo : < 60 min

Ghi chú : Cần thảo luận với nhà sản xuất gắng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.

Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi  
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.

Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.  
Không hút thuốc khi sử dụng.  
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

### 9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái : hạt  
Màu sắc : màu vàng  
Mùi đặc trưng : không mùi

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi	:	chưa có dữ liệu
Điểm chớp cháy	:	chưa có dữ liệu
Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Mật độ	:	1.65 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)
Độ hòa tan Tính tan trong nước	:	không tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa	:	chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu

### 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

- Tính ổn định hóa học : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
- Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.  
Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.  
Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.  
Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
- Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu
- Các vật liệu xung khắc : Không có thông tin cụ thể gì.
- Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

### 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

#### **Độc tính cấp**

##### **Sản phẩm:**

- Độc tính cấp do hít phải : Ước lượng độc tính cấp: 6.33 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Phương pháp tính toán

##### **Thành phần:**

##### **sulfur:**

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5,000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401  
GLP: có  
Ghi chú: Phép ngoại suy theo Quy định (EC) số 440/2008
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột): > 5.43 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403  
GLP: có
- Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột, Đực và cái): > 5,000 mg/kg  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402  
GLP: có  
Ghi chú: Phép ngoại suy theo Quy định (EC) số 440/2008

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

- Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg
- Độc tính cấp do hít phải : LC50 (Chuột, Đực và cái): > 5.53 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 4 h  
Không khí kiểm nghiệm: bụi / hơi sương  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 403

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

---

### Ăn mòn/kích ứng da

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Kết quả: Kích ứng da

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Kết quả: Không gây kích ứng da

### Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Kết quả: Không gây kích ứng mắt

### Kích thích hô hấp hoặc da

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột lang

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 406

Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

GLP: có

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da

Loài: Chuột lang

Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

### Biến đổi tế bào gốc

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm

: Hệ thống thử nghiệm: Vi khuẩn

Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471

Kết quả: Âm tính

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

### Tính gây ung thư

#### Thành phần:

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Tính gây ung thư - Đánh giá : Phân loại theo hàm lượng chiết DMSO < 3% (Quy định số 1272/2008 (EC), Phụ lục VI, Phần 3, Chú thích L)

### Lượng độc lặp lại

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Loài: Thỏ  
NOAEL: > 20 mg/kg  
Lộ trình ứng dụng: Hít phải  
Thời gian phơi nhiễm: 20 d  
Liều lượng: > 20 mg/kg  
Ghi chú: Độc tính gần mãn tính

##### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Loài: Thỏ  
NOAEL: 200 mg/kg  
Lộ trình ứng dụng: Tiếp xúc với da  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Liều lượng: 200 mg/kg  
Ghi chú: Tính độc mãn tính

Loài: Chuột  
NOAEL: 0.21 mg/l  
Lộ trình ứng dụng: Hít phải  
Thời gian phơi nhiễm: 28 d  
Liều lượng: 0,21 mg/l  
Ghi chú: Tính độc mãn tính

### Thông tin khác

#### Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

---

## 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

### Độc tính sinh thái

#### Thành phần:

##### **sulfur:**

Độc đối với cá : LC0 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 0.005 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

NOEC (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 0.005 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0.005 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0.005 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): > 100 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 21 Days  
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 211

### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 5,000 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 1,000 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 48 h

Độc đối với tảo : EC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 1,000 mg/l  
Thời gian phơi nhiễm: 96 h

### **Tính bền vững và phân hủy**

#### **Thành phần:**

### **Distillates (petroleum), hydrotreated heavy paraffinic:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Có khả năng phân hủy sinh học sẵn có.

### **Tiềm năng tích lũy sinh học**

chưa có dữ liệu

### **Tính biến đổi trong đất**

chưa có dữ liệu

### **Các ảnh hưởng có hại khác**

#### **Sản phẩm:**

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

## **13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

### **Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/10/19 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000014509 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng  
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Loại bỏ các thành phần còn lại.  
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.  
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

### 14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

#### Quy định Quốc tế

##### IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

##### Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

#### Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Cảnh báo nguy hiểm : Không phải hàng hóa nguy hiểm.  
Gây kích ứng da.  
Để tránh xa thực phẩm.

### 15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

#### Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC) : Không áp dụng được

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 : sulfur  
Distillates (petroleum), hydrotreated heavy naphthenic

### 16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

#### Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính

BCF = Hệ số nồng độ sinh học

GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH  
VN OEL : Quyết định của bộ trưởng bộ y tế - Hoá chất - giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

## Rhenogran S-80



Phiên bản	Ngày tháng sửa đổi,	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ	Ngày ban hành cuối cùng: -
1.0	bổ sung gần nhất:	DẪN AN TOÀN:	Nước / Ngôn ngữ: VN / VI
	2018/10/19	103000014509	

---

ACGIH / TWA	:	8 giờ, trung bình tính theo thời gian
VN OEL / TWA	:	Trung bình về thời gian
VN OEL / STEL	:	Từng lần tối đa

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.